

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ
MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2025/HS-ST
Ngày 24 - 3 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Chính

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hồng Hải

Bà Lê Thị Ánh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: Số 1 đường P, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2025/TLST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Châu Văn H, sinh ngày 23 tháng 12 năm 1967, nơi sinh: Hải Phòng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: C đường L, khu phố C, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: Nhà không số (hẻm D), đường H, khu phố B, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Chạy xe ôm; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Châu Văn C (đã chết) và bà Vũ Thị T (đã chết); vợ Lê Thị Thúy T1, sinh năm: 1976; có 01 con Châu Đ, sinh năm: 2010; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị Tòa án nhân dân quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” (Bản án hình sự sơ thẩm số 97/HSST ngày 24/9/1993). Bị Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng xử phạt 30 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân” (Bản án hình sự sơ thẩm số 126/HSST ngày 09/11/1994). Bị Tòa án nhân dân Thành phố Hải Phòng xử phạt 07 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân” và “Cướp giật tài sản của công dân” (Bản án hình sự sơ thẩm số 253/HSST ngày 26/7/1997). Bị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng xử phạt 05 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, cộng với 07 năm tù của Bản án số 253 ngày 26/7/1997 của Tòa án nhân dân Thành phố Hải Phòng, tổng hợp hình phạt của hai bản án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 12 năm tù (Bản án hình sự sơ thẩm số 13/HSST ngày 18/02/1998), chấp hành xong án

phạt tù vào ngày 04/5/2007; bị bắt tạm giam từ ngày 31/10/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh Đinh Văn L, sinh năm: 1997

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ B, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi

Nơi ở hiện tại: 4 T, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

+ Bà Lê Thị Thanh H1, sinh năm: 1979

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 2 đường H, Phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi ở hiện tại: 213 B, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1967

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 3 T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi ở hiện tại: 56 đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Phương H2, sinh năm: 1972

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: E đường T, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi ở hiện tại: Phòng 608, chung cư N, Phường G, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Thành N, sinh năm: 1972

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: A A, Phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi ở hiện tại: I M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 22/10/2024, Đ Công an quận T kiểm tra phát hiện Châu Văn H đang thực hiện hành vi cho anh Đinh Văn L vay tiền tại quán nước trước vỉa hè phòng vé V, số F T, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên đã mời H và anh L về làm việc. Tại Cơ quan điều tra, Châu Văn H khai nhận về hình thức cho vay với 02 hình thức như sau:

- Hình thức vay góp là người vay tiền sẽ trả nợ dần theo từng kỳ hạn (thường là hàng tháng) với số tiền trả góp cố định, bao gồm cả gốc và lãi.

- Hình thức vay đứng là người vay tiền sẽ đóng tiền lãi mỗi ngày theo thỏa thuận khi nào trả tiền vay gốc thì kết thúc việc vay nợ.

Quá trình điều tra xác định từ tháng 11/2019 đến ngày 22/10/2024, Châu Văn H cho 05 người vay tiền với lãi suất cao để thu lợi bất chính, gồm:

1. Đinh Văn L: Từ tháng 8/2024 đến ngày 22/10/2024, anh Đinh Văn L đã 03 lần vay tiền của Châu Văn H, số tiền vay mỗi lần là 2.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 100.000 đồng, với mức lãi suất 304%/năm. Đối với 02 lần vay đầu tiên, anh L đã trả xong. Lần vay thứ 03, anh L mới góp được 03 ngày. Ngày 22/10/2024, anh L đang đưa tiền góp ngày thứ 4 cho H tại quán nước trước vỉa hè phòng vé V, số F T, Phường B, quận T thì bị Cơ quan Công an phát hiện mời làm việc. Tổng số tiền anh L vay của H là 6.000.000 đồng và anh L đã đóng lãi cho H 850.000 đồng, trong đó số tiền thu lợi hợp pháp là 55.890 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 794.110 đồng. Hiện anh L còn nợ H tiền góp 21 ngày là 2.100.000 đồng gồm tiền gốc 1.750.000 đồng và 350.000 đồng tiền lãi.

2. Lê Thị Thanh H1: Từ khoảng tháng 01/2023 đến 10/2024, bà Lê Thị Thanh H1 vay tiền góp của Châu Văn H tổng cộng 22 lần, với mức lãi suất 304%/năm, cụ thể:

- Vào tháng 01/2023, bà H1 vay của H số tiền 2.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp cả tiền gốc và lãi là 100.000 đồng. Bà H1 đã góp đủ 24 ngày cho H với số tiền góp là 2.400.000 đồng.

- Vào tháng 02/2023, bà H1 vay của H số tiền 3.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp cả tiền gốc và lãi là 150.000 đồng. Bà H1 đã góp đủ 24 ngày cho H với số tiền góp là 3.600.000 đồng.

- Vào tháng 3/2023, bà H1 vay của H số tiền 5.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp cả tiền gốc và lãi là 250.000 đồng. Bà H1 đã góp đủ 24 ngày cho H với số tiền góp là 6.000.000 đồng.

- Từ tháng 4/2023 đến tháng 9/2024, bà H1 vay của H tổng cộng 18 lần, mỗi lần vay số tiền 8.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp cả tiền gốc và lãi là 400.000 đồng. Những lần vay này, bà H1 đều đã trả đủ tiền góp cho H với tổng số tiền góp mỗi lần là 9.600.000 đồng.

- Vào tháng 10/2024, bà H1 vay của H số tiền 8.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày góp cả tiền gốc và lãi là 400.000 đồng. Bà H1 đã góp được 05 ngày với số tiền 2.000.000 đồng.

Tổng số tiền mà H cho bà H1 vay là 162.000.000 đồng. Bà H1 đã trả cho H 155.666.667 đồng tiền gốc và 31.133.333 đồng tiền lãi. H thu lợi hợp pháp là 2.047.123 đồng và số tiền thu lợi bất chính là 29.086.210 đồng. Hiện bà H1 còn nợ H tiền góp 19 ngày là 7.600.000 đồng trong đó tiền gốc 6.333.333 đồng và 1.266.667 đồng tiền lãi.

3. Nguyễn Văn T2: Từ tháng 11/2019 đến tháng 10/2024, ông Nguyễn Văn T2 vay của Châu Văn H tổng cộng 21 lần, gồm vay tiền đứng và vay tiền góp, cụ thể:

- Từ tháng 11/2019 đến ngày 22/10/2024 (1815 ngày), ông T2 vay của H số tiền 4.000.000 đồng, hình thức vay đứng, đóng tiền lãi mỗi ngày là 40.000 đồng, với mức lãi suất 365%/năm và chưa trả tiền vay gốc. Ông T2 đã trả lãi cho H số tiền là 72.600.000 đồng, trong đó lãi suất hợp pháp 3.978.082 đồng và thu lợi bất chính là 68.621.918 đồng.

- Từ tháng 01/2024 đến tháng 10/2024, ông T2 vay tiền H 20 lần với số tiền vay mỗi lần là 5.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi

là 250.000 đồng, với mức lãi suất 304%/năm. Tổng số tiền ông T2 vay góp của H là 100.000.000 đồng, tổng số tiền lãi ông T2 đã trả cho H là 19.250.000 đồng (trong đó tiền lãi hợp pháp là 1.265.753 đồng và tiền thu lợi bất chính là 17.984.247 đồng). Riêng lần vay thứ 20, ông T2 đã góp được 06 ngày với số tiền 1.500.000 đồng và còn nợ 18 ngày góp với số tiền 4.500.000 đồng (gồm 3.750.000 đồng tiền gốc và 750.000 đồng tiền lãi).

Tổng số tiền mà H cho ông T2 vay là 104.000.000 đồng. Ông T2 đã trả 96.250.000 đồng tiền vay gốc và 91.850.000 đồng tiền lãi. H thu lợi hợp pháp là 5.243.836 đồng và thu lợi bất chính là 86.606.164 đồng. Ông T2 còn nợ 7.750.000 đồng tiền vay gốc của H.

4. Nguyễn Phương H2: Từ khoảng tháng 01/2023 đến 21/10/2024, ông Nguyễn Phương H2 có vay tiền của Châu Văn H nhiều lần, cụ thể:

- Vào tháng 01/2023, ông H2 vay của H số tiền 30.000.000 đồng với hình thức vay đúng, đóng tiền lãi mỗi ngày là 100.000 đồng, với mức lãi suất 122%/năm, khi nào ông H2 có tiền để trả tiền nợ gốc thì kết thúc việc vay mượn. Từ tháng 01/2023 đến ngày 21/10/2024, ông H2 đã trả lãi 660 ngày cho H với số tiền 66.000.000 đồng (trong đó tiền lãi hợp pháp là 10.849.351 đồng và tiền thu lợi bất chính là 55.150.685 đồng), chưa trả tiền gốc 30.000.000 đồng tiền vay cho H.

- Từ tháng 8/2024 đến tháng 9/2024, ông H2 vay tiền của H tổng cộng 03 lần, mỗi lần vay 2.000.000 đồng, góp trong vòng 24 ngày, mỗi ngày trả tiền gốc và lãi là 100.000 đồng, với mức lãi suất 304%/năm, ông H2 đã trả góp đủ số tiền vay cho 03 lần vay, tổng cộng là 7.200.000 đồng.

Tổng số tiền mà H cho ông H2 vay là 36.000.000 đồng. Ông H2 đã trả cho H 6.000.000 đồng tiền vay gốc và 67.200.000 đồng tiền lãi. H thu lợi hợp pháp là 10.928.219 đồng và thu lợi bất chính là 56.271.781 đồng. Ông H2 còn nợ H 30.000.000 đồng tiền vay gốc.

5. Nguyễn Thành N: Từ tháng 01/2020 đến tháng 4/2021, ông Nguyễn Thành N vay tiền của Châu Văn H tổng cộng 16 lần, mỗi lần vay 5.000.000 đồng, góp trong 28 ngày, mỗi ngày góp cả tiền gốc và lãi là 200.000 đồng, với mức lãi suất 156%/năm. Tổng số tiền ông N vay của H là 80.000.000 đồng. Ông N đã trả cho H 80.000.000 đồng tiền vay gốc và 9.600.000 đồng tiền lãi. H thu lợi hợp pháp là 1.227.397 đồng và số tiền thu lợi bất chính là 8.372.603 đồng.

Như vậy, Châu Văn H đã cho anh Đinh Văn L, bà Lê Thị Thanh H1, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Phương H2 và ông Nguyễn Thành N vay tiền với tổng số là 388.000.000 đồng, với mức lãi suất cho vay từ 122% đến 365%/01 năm. Tổng số tiền 05 người vay đã trả cho H tiền vay gốc là 342.166.667 đồng và tiền lãi là 200.633.333 đồng, trong đó số tiền thu lợi hợp pháp là 19.502.465 đồng và số tiền thu lợi bất chính là 181.130.868 đồng.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) điện thoại di động N1 – 1375 thu giữ của Châu Văn H.

Bản cáo trạng số 43/CT-VKSTB ngày 19 tháng 02 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Châu Văn H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Châu Văn H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Châu Văn H từ 01 năm đến 02 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động Nokia TA – 1375.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo nộp lại số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất theo quy định bị cáo đã thu của khách hàng vay là 19.502.465 đồng và tiền gốc bị cáo đã cho vay là 342.166.667 đồng để sung quỹ nhà nước; đồng thời buộc những người vay nộp lại số tiền vay gốc chưa trả để sung quỹ nhà nước, theo đó buộc anh Đinh Văn L nộp lại số tiền 1.750.000 đồng, bà Lê Thị Thanh H1 nộp số tiền 6.333.333 đồng, ông Nguyễn Văn T2 nộp số tiền 7.750.000 đồng và ông Nguyễn Phương H2 nộp số tiền 30.000.000 đồng. Đối với tiền lãi bị cáo đã thu vượt quá quy định 181.130.868 đồng, do những người vay không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận không xem xét khoản tiền lãi này.

Bị cáo trình bày lời bào chữa: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, bị cáo không bào chữa hay tranh luận gì với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi của mình, chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét chiếu cố giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo có cơ hội được sớm trở về gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Công an quận T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Anh Đinh Văn L, bà Lê Thị Thanh H1, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Phương H2 và ông Nguyễn Thành N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt. Quá trình điều tra đã có lời khai của những đương sự trên, việc vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm

2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Đinh Văn L, bà Lê Thị Thanh H1, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Phương H2 và ông Nguyễn Thành N.

[3] Lời khai tại phiên tòa của bị cáo Châu Văn H phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như lời khai của anh Đinh Văn L, bà Lê Thị Thanh H1, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Phương H2 và ông Nguyễn Thành N là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, biên bản nhận dạng và vật chứng thu giữ trong vụ án, từ đó đã đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 11/2019 đến thời điểm cơ quan có thẩm quyền phát hiện và ngăn chặn, Châu Văn H đã có hành vi cho anh Đinh Văn L, bà Lê Thị Thanh H1, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Phương H2 và ông Nguyễn Thành N vay tiền với lãi suất cao từ 122% đến 365%/năm, cao gấp 05 đến 17 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, với tổng số tiền thu lợi bất chính của các lần cho vay lãi nặng để xác định trách nhiệm hình sự trong vụ án là 181.130.868 đồng. Mặc dù, việc vay tiền giữa bị cáo và những người vay tiền là hoàn toàn tự nguyện, tuy nhiên bị cáo đã lợi dụng những người có nhu cầu vay tiền có hoàn cảnh khó khăn, ở giai đoạn cấp bách, cần tiền gấp nên đã ép buộc người vay phải chấp nhận vay tiền với lãi suất cao, làm cho người vay tiền lâm vào cảnh điêu đứng, khánh kiệt về kinh tế. Như vậy, với hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình truy tố bị cáo theo tội danh, điều khoản trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách quản lý tài chính của nhà nước mà cụ thể là trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ. Hậu quả là gây thiệt hại cho người vay, làm cho người vay phải chịu mức lãi suất cao, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội. Bản thân bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, biết rõ việc thông qua giao dịch dân sự để cho vay với lãi suất cao hơn 05 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định của pháp luật dân sự là hành vi trái pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng vì lợi nhuận nên vẫn thực hiện, cho thấy bị cáo có thái độ coi thường pháp luật, nên cần thiết phải xử lý nghiêm và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2019 đến thời điểm Cơ quan Công an phát hiện và ngăn chặn, bị cáo H đã cho ông Nguyễn Văn T2 và ông Nguyễn Phương H2 vay tiền với lãi suất cao, với số tiền thu lợi bất chính của mỗi người vay đều trên 30.000.000 đồng, trong đó mỗi lần bị cáo tham gia đều cách nhau khoảng một thời gian nhất định, xâm phạm trực tiếp đến cùng một khách thể, trong mỗi lần thực hiện hành vi đều có đủ yếu tố cấu thành tội phạm độc lập nên phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội nhằm mục đích thu lợi bất chính. Do đó, cần áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, phạt tiền bị cáo Châu Văn H 40.000.000đ (Bốn mươi triệu) đồng để nộp ngân sách nhà nước.

[8] Về các biện pháp tư pháp:

[8.1] Về vật chứng: Cơ quan Công an thu giữ 01 (một) điện thoại di động Nokia TA – 1375 là phương tiện bị cáo liên lạc dùng vào việc phạm tội, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

[8.2] Đối với khoản tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội: Căn cứ vào kết quả điều tra xác định khoản tiền thu lợi bất chính thực tế bị cáo đã thu của người vay anh Đinh Văn L là 794.110 đồng, của bà Lê Thị Thanh H1 là 29.086.210 đồng, của ông Nguyễn Văn T2 là 86.606.164 đồng, của ông Nguyễn Phương H2 là 56.271.781 đồng và của ông Nguyễn Thành N là 8.372.603 đồng. Theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì: *“Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”*. Do đó, khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất trên 20%/năm là khoản tiền mà bị cáo thu lợi bất chính của người vay sẽ được trả lại cho những người vay. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra anh Đinh Văn L, bà Lê Thị Thanh H1, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Phương H2 và ông Nguyễn Thành N là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo H phải trả lại khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất trên 20%/năm đã thu của những người vay. Xét thấy đây là sự tự nguyện của anh Đinh Văn L, bà Lê Thị Thanh H1, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Phương H2 và ông Nguyễn Thành N, theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không buộc bị cáo trả lại số tiền lãi nêu trên cho anh Đinh Văn L, bà Lê Thị Thanh H1, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Phương H2 và ông Nguyễn Thành N.

[8.3] Đối với khoản tiền gốc 342.166.667 đồng bị cáo dùng để cho vay được xác định là phương tiện phạm tội, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Về khoản tiền cho vay này, quá trình điều tra xác định anh Đinh Văn L có vay 6.000.000 đồng, đã trả 4.250.000 đồng, còn nợ 1.750.000 đồng; bà Lê Thị Thanh H1 có vay 162.000.000 đồng, đã trả 155.666.667 đồng, còn nợ 6.333.333 đồng; ông Nguyễn Văn T2 có vay 104.000.000 đồng, đã trả 96.250.000 đồng, còn nợ 7.750.000 đồng; ông Nguyễn Phương H2 có vay 36.000.000 đồng, đã trả 6.000.000 đồng, còn nợ 30.000.000 đồng; ông Nguyễn Thành N có vay 80.000.000 đồng và đã trả hết tiền gốc, nên cần truy thu của bị cáo số tiền gốc đã thu đối với các khoản vay của anh Đinh Văn L là 4.250.000 đồng, của bà Lê Thị Thanh H1 là 155.666.667 đồng, của ông Nguyễn Văn T2 là 96.250.000 đồng, của ông Nguyễn Phương H2 là 6.000.000 đồng và của ông Nguyễn Thành N là 80.000.000 đồng. Đồng thời, cần truy thu từ anh Đinh Văn L số tiền 1.750.000 đồng, bà Lê Thị Thanh H1 số tiền 6.333.333 đồng, ông Nguyễn Văn T2 số tiền 7.750.000 đồng và ông Nguyễn Phương H2 số tiền 30.000.000 đồng.

[8.4] Đối với khoản tiền lãi 19.502.465 đồng tương ứng với mức lãi suất 20%/năm thực tế bị cáo đã thu của những người vay (trong đó thu của anh Đinh Văn

L 55.890 đồng, bà Lê Thị Thanh H1 2.047.123 đồng, ông Nguyễn Văn T2 5.243.836 đồng, ông Nguyễn Phương H2 10.928.219 đồng và ông Nguyễn Thành N 1.227.397 đồng), đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, đồng thời hoạt động cho vay lãi nặng thường gắn với các băng nhóm tội phạm. Do đó, để bảo đảm yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm cần tịch thu sung công quỹ nhà nước khoản tiền này.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, biện pháp tư pháp và mức án đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng.

[11] Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 Điều 201; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 47; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136; khoản 1, khoản 3 Điều 329 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Châu Văn H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Châu Văn H 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/10/2024.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Châu Văn H với thời hạn 45 ngày để bảo đảm thi hành án, theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử.

2. Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Châu Văn H 40.000.000đ (Bốn mươi triệu) đồng để nộp ngân sách nhà nước.

3. Về các biện pháp tư pháp:

3.1. Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động Nokia TA – 1375 theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 74/BB/2025 ngày

14 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình và Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Truy thu đối với bị cáo Châu Văn H khoản tiền gốc dùng để cho vay là 342.166.667đ (Ba trăm bốn mươi hai triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng.

3.3. Truy thu đối với bị cáo Châu Văn H khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu của những người vay là 19.502.465đ (Mười chín triệu năm trăm lẻ hai nghìn bốn trăm sáu mươi lăm) đồng.

3.4. Truy thu từ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đinh Văn L số tiền 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, bà Lê Thị Thanh H1 số tiền 6.333.333đ (Sáu triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng, ông Nguyễn Văn T2 số tiền 7.750.000đ (Bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng và ông Nguyễn Phương H2 số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu) đồng để sung quỹ nhà nước.

3.5. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đinh Văn L, bà Lê Thị Thanh H1, ông Nguyễn Văn T2, ông Nguyễn Phương H2 và ông Nguyễn Thành N không yêu cầu bị cáo Châu Văn H trả lại khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất trên 20%/năm đã thu của người vay (trong đó của anh Đinh Văn L là 794.110 đồng, của bà Lê Thị Thanh H1 là 29.086.210 đồng, của ông Nguyễn Văn T2 là 86.606.164 đồng, của ông Nguyễn Phương H2 là 56.271.781 đồng và của ông Nguyễn Thành N là 8.372.603 đồng).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Châu Văn H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Tân Bình;
- Trại giam Chí Hòa – Phân trại tạm giam khu vực Quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Chính

